

## TRẮC NGHIỆM SINH HỌC 7

### NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

Câu 1: Động vật nguyên sinh có cấu tạo từ:

- A. 1 tế bào                      B. 2 tế bào                      C. 3 tế bào

Câu 2: Động vật nguyên sinh có vai trò thực tiễn.

- A. Hoàn toàn có lợi cho người và động vật.    B. Hoàn toàn có hại cho người và động vật  
C. Vừa có lợi vừa có hại cho người và động vật.

Câu 3: Động vật nguyên sinh sống ký sinh có đặc điểm.

- A. Cơ quan di chuyển thường tiêu giảm hay kém phát triển, sinh sản vô tính với tốc độ rất nhanh.  
B. Cơ quan di chuyển tiêu giảm, dinh dưỡng kiểu tự dưỡng, sinh sản vô tính với tốc độ chậm.  
C. Cơ quan di chuyển thường tiêu giảm hay kém phát triển, dinh dưỡng theo kiểu dị dưỡng, sinh sản với tốc độ rất nhanh.

Câu 4: Hãy chọn phương án trả lời để khẳng định phát biểu sau đây là đúng.

- A. Động vật nguyên sinh sống tự do hay ký sinh đều có đặc điểm chung về cấu tạo cơ thể là một tế bào nhưng về chức năng là một cơ thể sống.  
B. Động vật nguyên sinh sống tự do hay ký sinh đều có đặc điểm chung về cấu tạo là một hoặc hai tế bào nhưng về chức năng là một cơ thể độc lập.

câu 5: Trùng giày di chuyển được là nhờ:

- A. Nhờ có roi.                      B. Có vây bơi.                      C. Lông bơi phủ khắp cơ thể.

Câu 6: Cấu tạo tế bào cơ thể trùng roi có?

- A. 1 nhân                      B. 2 nhân                      C. 3 nhân

Câu 7: Cách sinh sản của trùng roi:

- A. Phân đôi theo chiều dọc cơ thể.    B. Phân đôi theo chiều ngang cơ thể.    C. Tiếp hợp

Câu 8: Tập đoàn trùng roi là?

- A. Nhiều tế bào liên kết lại.                      B. Một cơ thể thống nhất                      C. Một tế bào.

Câu 9: Môi trường sống của trùng roi xanh là:

- A. Ao hồ                      B. Biển                      C. Sầm ruộng.                      D. Cơ thể sống.

Câu 10: Sự trao đổi khí của trùng roi với môi trường qua bộ phận:

- A. Màng cơ thể                      B. Nhân.                      C. Điểm mắt.    D. Hạt dự trữ.

Câu 11: Trùng roi di chuyển bằng cách?

- A. Xoáy roi vào nước                      B. Sâu đo                      C. Uốn lượn

Câu 12: Động vật nguyên sinh sống kí sinh trong cơ thể người và động vật là:

- A. Trùng roi    B. Trùng kiết lị    C. Trùng giày    D. Tất cả đều đúng

Câu 13: Động vật nguyên sinh di chuyển bằng chân giả là:

- A. Trùng roi                      B. Tập đoàn vôn vốc                      C. Trùng biến hình.

Câu 14: Nơi kí sinh của trùng sốt rét là:

- A. Phổi người.    B. Ruột động vật.    C. Máu người    D. Khắp mọi nơi trong cơ thể.

Câu 15: Nơi kí sinh của trùng kiết lị là:

- A. Bạch cầu    B. Ruột người                      C. Hồng cầu                      D. Máu

Câu 16: Hình thức sinh sản của trùng biến hình là:

- A. Phân đôi theo chiều ngang.                      B. Phân đôi theo chiều dọc.                      C. Tiếp hợp.

Câu 17: Thức ăn của trùng giày là:

- A. Vi khuẩn, vụn chất hữu cơ      B. Tảo      C. Cá

Câu 18: Trùng kiết lị giống với trùng biến hình ?

- A. Có di chuyển tích cực.      B. Hình thành bào xác.      C. Có chân giả

Câu 19: Biểu hiện nào cho biết triệu chứng bệnh sốt rét?

- A. Đau bụng.      B. Nhức đầu.  
C. Sốt liên miên hoặc từng cơn. Mặt đỏ ra nhiều mồ hôi đầu toàn bộ cơ thể.

Câu 20: Trùng sốt rét có lối sống:

- A. Bắt mồi.      B. Tự dưỡng.      C. Kí sinh.      D. Tự dưỡng và bắt mồi.

### NGÀNH RUỘT KHOANG

Câu 1: Cấu tạo ngoài của thủy tức.

- A. Cơ thể của Thủy tức có đối xứng toả tròn, di chuyển kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu.  
B. Cơ thể của Thủy tức có đối xứng hai bên, di chuyển kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu

Câu 2: Cấu tạo thành cơ thể của Thủy tức gồm.

- A. Một lớp tế bào.      B. Ba lớp tế bào xếp xít nhau.  
C. Hai lớp tế bào, giữa hai lớp tế bào là tầng keo mỏng  
D. Gồm nhiều lớp tế bào, xen kẽ các tầng keo mỏng.

Câu 3: Thủy tức tiêu hoá con mồi nhờ loại tế bào.

- A. Tế bào hình sao.      B. Tế bào hình túi có gai cảm giác  
C. Tế bào có hai roi và không bào tiêu hoá

Câu 4: Thủy tức sinh sản bằng hình thức nào?

- A. Thủy tức sinh sản vô tính đơn giản.      B. Thủy tức sinh sản hữu tính  
C. Thủy tức sinh sản kiểu tái sinh.  
D. Thủy tức vừa sinh sản vô tính vừa hữu tính và có khả năng tái sinh.

Câu 5: Hải quỳ có lối sống?

- A. Cá thể.      B. Tập trung một số cá thể  
C. Tập đoàn nhiều cá thể liên kết      D. Tập trung một số các thể sống trôi nổi.

Câu 6: Sứa là loài động vật không xương sống ăn:

- A. Thịt      B. Cây thủy sinh      C. Động vật nguyên sinh và rong tảo biển

Câu 7: Cơ thể của Sứa có dạng?

- A. Hình trụ      B. Hình dù      C. Hình cầu      D. Hình que

Câu 8: Hãy chọn phương án trả lời A hoặc B để khẳng định phát biểu sau đây là đúng.

- A. San hô sống bám khi sinh sản mọc chồi, cơ thể con không tách rời ra mà dính với cơ thể mẹ.  
B. san hô sống bám khi sinh sản mọc chồi, cơ thể con phát triển hoàn chỉnh tách rời cơ thể mẹ sống độc lập.

### CÁC NGÀNH GIUN

Câu 1: Căn cứ con đường xâm nhập của ấu trùng giun kí sinh, cho biết cách phòng ngừa loài giun nào thực hiện đơn giản nhất.

- A. Giun đũa      B. Giun móc câu      C. Giun kim      D. Giun chỉ

Câu 2: Căn cứ vào nơi kí sinh, cho biết loài giun nào nguy hiểm hơn?

- A. Giun đũa      B. Giun kim      C. Giun móc câu      D. Giun chỉ

**Câu 3:** Để đề phòng bệnh giun kí sinh, phải:

- A. Không tưới rau bằng phân tươi  
 B. Tiêu diệt ruồi nhặng  
 C. Giữ gìn vệ sinh ăn uống  
 D. Giữ vệ sinh môi trường  
 E. Người bệnh đau bụng dữ dội và rối loạn tiêu hóa.

### NGÀNH THÂN MỀM

**Câu 1:** Hoạt động di chuyển của trai sông:

- A. Lối sống của trai thích hoạt động  
 B. Trai sông ít hoạt động  
 C. Khi di chuyển trai bò lê  
 D. Phần đầu của trai phát triển

**Câu 2:** Vỏ trai vỏ ốc cấu tạo:

- A. Lớp đá vôi ở giữa  
 B. Lớp xà cừ óng ánh ở trong cùng  
 C. Có lớp sừng bọc ngoài  
 D. Cả 3 đều đúng

**Câu 3:** Hãy chọn phương án đúng sai trong các câu sau:

- A. Khi mở vỏ trai, cắt cơ khép trước, cơ khép sau  
 B. Khi mở vỏ không cần cắt khép vỏ trước và cơ khép vỏ sau  
 C. Khi trai chết vỏ thường mở ra

**Câu 4:** Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất.

- A. Trai sông thuộc lớp chân diu  
 B. Phần đầu trai lớn  
 C. Khi trai di chuyển bò rất nhanh  
 D. Trai sông thuộc lớp 2 mảnh vỏ hay lớp chân diu

**Câu 5:** Sự thích nghi phát tán của trai.

- A. Ấu trùng theo dòng nước  
 B. Ấu trùng bám trên mình ốc  
 C. Ấu trùng bám vào da cá di chuyển đến vùng khác  
 D. Ấu trùng bám trên tôm

### NGÀNH CHÂN KHỚP

#### LỚP GIÁP XÁC

**Câu 1:** Con tôm sông di chuyển bằng gì ?

- A. Chân bò  
 B. Chân bơi  
 C. Chân bò và chân bơi  
 D. Bay

**Câu 2:** Tôm hô hấp nhờ những cơ quan nào?

- A. Bằng mang  
 B. Chân hàm  
 C. Tuyến bài tiết  
 D. Chân

**Câu 3:** Tôm sông cấu tạo cơ thể gồm mấy phần?

- A. 2 phần  
 B. 3 phần  
 C. 4 phần  
 D. 6 phần

**Câu 4:** Tuyến bài tiết của tôm nằm ở đâu?

- A. Mang tôm  
 B. Phần bụng  
 C. Góc đôi râu thứ hai phần đầu ngực  
 D. Các phần phụ

**Câu 5:** Trong những động vật sau con nào thuộc lớp giáp xác?

- A. Cua biển, nhện  
 B. Tôm sông, tôm sú.  
 C. Cáy, mọt ẩm  
 D. Rận nước, sun

**Câu 6:** Những động vật như thế nào được xếp vào lớp giáp xác?

- A. Minh có một lớp vỏ bằng ki-tin  
 B. Đẻ trứng, ấu trùng lột xác qua nhiều lần  
 C. Phần lớn đều sống bằng nước, thở bằng mang  
 D. Tất cả các ý đều đúng.

**Câu 7:** Các giáp xác có hại là giáp xác nào?

- A. Chân kiếm sống tự do.  
 B. Tôm cua  
 C. Con sun, chân kiến ký sinh.

**Câu 8:** Trong số đại diện giáp xác sau loài nào có kích thước nhỏ?

- A. Cua đồng đực  
 B. Mọt ẩm  
 C. Tôm ở nhờ  
 D. Sun

### LỚP HÌNH NHỆN

Câu 1: Ở bộ cặp bộ phận nào có chứa noc độc?

- A. Đôi kim lớn                      B. Bốn đôi chân bò                      C. Đuôi

Câu 2: Phần đầu ngực của nhện , bộ phận nào làm nhiệm vụ bắt mồi và tự vệ ?

- A. Đôi kim có tuyến độc                      B. Đôi chân xúc giác  
C. Bốn đôi chân bò                      D. Núm tuyến tơ

Câu 3: Vai trò của động vật thuộc lớp hình nhện là

- A. Động vật lớp hình nhện đều gây hại cho người.  
B. Động vật lớp hình nhện đều có lợi cho con người.  
C. Phần lớn Động vật lớp hình nhện đều có lợi cho con người.  
D. Phần lớn động vật lớp hình nhện gây hại cho con người.

Câu 4: Loại động vật nào sau đây ký sinh trên da người ?

- A. Bộ cặp                      B. Cái ghè                      C. Ve bò                      D. Nhện đỏ

Câu 5: Cho biết số đôi chân ngực của lớp hình nhện.

- A. 3 Đôi                      B. 4 đôi                      C. 5 đôi.                      D. 6 đôi.

Câu 6: Nhện có những tập tính nào?

- A. Chăng lưới, bắt mồi.                      B. Sinh sản, kết kén.  
C. Tất cả các ý đều đúng                      D. Tất cả các ý đều sai

Câu 7: Cơ thể nhện chia làm mấy phần ?

- A. Hai phần : Đầu - ngực và bụng                      B. Hai phần : Đầu và bụng  
C. Hai phần : Đầu và thân                      D. Ba phần : Đầu, ngực và bụng

Câu 8: Thức ăn của nhện là gì?

- A. Vụn hữu cơ                      B. Sâu bọ  
C. Thực vật                      D. Mùn đất

### LỚP SÂU BỌ

Câu 1: Châu chấu hô hấp bằng cơ quan nào?

- A. Mang                      B. Hệ thống ống khí  
C. Hệ thống túi khí                      D. Phổi

Câu 2: Châu chấu di chuyển bằng cách nào?

- A. Nhảy.                      B. Bay                      C. Bò.                      D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 3: Cơ thể châu chấu chia làm mấy phần ?

- A. 2 phần                      B. 3 phần                      C. 4 phần                      D. 5 phần

Câu 4: Mắt của châu chấu là mắt gì ?

- A. Mắt kép                      B. Mắt đơn                      C. Mắt kép và mắt đơn                      D. Không có mắt

Câu 5: Hệ tuần hoàn của châu chấu có chức năng gì ?

- A. Phân phối chất dinh dưỡng đến các tế bào.                      B. Cung cấp ôxi cho các tế bào.  
C. Cung cấp ôxi do hệ thống ống khí đảm nhiệm.                      D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 6: Hệ tuần hoàn của châu chấu thuộc dạng:

- A. Hệ tuần hoàn kín    B. Hệ tuần hoàn hở    C. Tim hình ống dài có 2 ngăn

Câu 7: Tại sao đàn châu chấu bay đến đâu thì gây ra mất mùa đến đó?

- A. Châu chấu đậu vào hoa màu làm dập nát thui chột các phần non của cây.

- B. Châu chấu mang theo bệnh gây hại hoa màu.  
 C. Châu chấu phàm ăn, cắn phá cây dữ dội  
 D. Châu chấu đậu vào hoa màu làm dập nát thui chột các phần non của cây. Châu chấu phàm ăn, cắn phá cây dữ dội

Câu 8: Não sâu bọ có:

- A. Hai phần: Não trước, não giữa. B. Hai phần: Não giữa, não sau.  
 C. Ba phần: Não trước, não giữa, não sau.

Câu 9: Hệ thần kinh của châu chấu thuộc dạng nào?

- A. Lưới B. Chuỗi hạch C. Tế bào rải rác

Câu 10: Điều đúng khi nói về châu chấu là:

- A. Cơ thể có vỏ kitin bao bọc B. Cơ thể dài không chia đốt  
 C. Cơ thể chia làm 3 phần : Đầu , ngực , bụng. D. Di chuyển bằng chân và bằng cánh

Câu 11: Động vật nào có ích trong việc thụ phấn cho cây trồng?

- A. Ong mật B. Kiến C. Bướm D. Ong mật, kiến, bướm

Câu 12: Đối tượng nào sau đây thuộc lớp sâu bọ phá hại cây trồng mà phải phòng trừ tiêu diệt ?

- A. Châu chấu. B. Ong mật. C. Bọ ngựa D. Ruồi.

Câu 13: Để bảo vệ mùa màng tăng năng suất cây trồng phải diệt sâu hại ở giai đoạn nào?

- A. Giai đoạn bươm  
 B. Giai đoạn sâu non  
 C. Giai đoạn nhộng.

### ĐẶC ĐIỂM CHUNG NGÀNH CHÂN KHỚP

Câu 1: Trong số các nhóm ĐV dưới đây, nhóm ĐV nào thuộc ngành chân khớp?

- A. Châu chấu, cá chép, nhện B. Tôm sông, ốc sên, châu chấu.  
 C. Tôm sông, nhện, châu chấu. D. Châu chấu, ốc sên, nhện,

Câu 2: Tập tính của sâu bọ là gì ?

- A. Gia tăng tính thích nghi.  
 B. Đáp ứng của sâu bọ với kích thích bên ngoài hay bên trong cơ thể.  
 C. Những hoạt động sống đặc trưng đáp ứng lại tác nhân của ngoại cảnh.  
 D. Thể hiện hoạt động sống.

Câu 3: Lớp nào có giá trị thực phẩm lớn nhất?

- A. Lớp sâu bọ. B. Lớp hình nhện C. Lớp giáp xác

Câu 4: Trong số các đặc điểm của chân khớp thì các đặc điểm nào quyết định nhất đến sự phân bố rộng rãi của chân khớp?

- A. Có lớp vỏ kitin. B. Có lớp vỏ kitin. Chân khớp và phân đốt linh hoạt  
 C. Đôi cánh dài, đẹp. D. Chân khớp và phân đốt linh hoạt

Câu 5: Động vật nào có ích trong việc thụ phấn cho cây trồng

- A. Ong mật. B. Kiến. C. Bướm. D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 6: Động vật nào thuộc ngành chân khớp dùng để xuất khẩu?

- A. Kiến B. Nhện đỏ C. Tôm sú, tôm hùm D. Bọ cạp.

**NGÀNH ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG  
LỚP CÁ**

**Câu 1:** Cá chép sống ở môi trường nào?

- A. Môi trường nước lợ  
B. Môi trường nước ngọt  
C. Môi trường nước mặn  
D. Môi trường nước mặn và Môi trường nước lợ

**Câu 2:** Thân cá chép có hình gì?

- A. Hình vuông  
B. Hình thoi  
C. Hình chữ nhật  
D. Hình chữ nhật.

**Câu 3:** Hình dạng thân và đuôi cá chép có tác dụng gì đối với đời sống của nó?

- A. Giúp cá bơi lội dễ dàng, giảm sức cản của nước.  
B. Giúp cá điều chỉnh được thăng bằng.

**Câu 4:** Cấu tạo ngoài của cá chép như thế nào?

- A. Thân hình thoi dẹp bên, mắt không có mi mắt, có 2 đôi râu.  
B. Thân hình thoi dẹp bên, mắt không có mi mắt, có 2 đôi râu.  
C. Cá có vây: vây chẵn và vây lẻ.  
D. Tất cả các nhận định sau đều sai

**Câu 5:** Cấu tạo ngoài của cá chép như thế nào?

- A. Thân hình thoi dẹp bên, mắt không có mi mắt, có hai đôi râu  
B. Thân phủ vảy xương, bên ngoài vảy có lớp da mỏng (chứa các tuyến nhầy)  
C. Thân phủ vảy xương, bên ngoài vảy có lớp da mỏng (chứa các tuyến nhầy)  
D. Cá có vây: vây chẵn (vây ngực và vây bụng), vây lẻ (vây lưng, vây hậu môn và vây đuôi)  
E. Tất cả các ý đều đúng

**Câu 6:** Cơ quan đường bên ở cá chép có tác dụng gì?

- A. Biết được các kích thích do áp lực nước.  
B. Biết được tốc độ nước chảy.  
C. Nhận biết các vật cản trong nước.  
D. Biết được các kích thích do áp lực nước. Biết được tốc độ nước chảy. Nhận biết các vật cản trong nước

**Câu 7:** Hãy khoanh tròn vào các câu đúng trong các câu sau:

- A. Khi bơi cá uốn mình, khúc đuôi mang vây đuôi đẩy nước làm cá tiến lên phía trước  
B. Vây lưng và vây hậu môn làm tăng diện tích dọc thân cá, giúp cá khi bơi không bị nghiêng ngã  
C. Vây lưng cũng có tác dụng giúp cá rẽ trái hoặc rẽ phải  
D. Đôi vây ngực và đôi vây bụng, giữ thăng bằng cho cá, giúp cá bơi hướng lên hoặc hướng xuống, rẽ phải, rẽ trái, dừng lại hoặc bơi đứng.

**Câu 8:** Vai trò của các đôi vây chẵn ở cá chép?

- A. Giữ thăng bằng cho cá khi bơi, đứng một chỗ  
B. Bơi hướng lên trên hoặc hướng xuống dưới.  
C. Rẽ phải, rẽ trái, giảm vận tốc, dừng lại hoặc giật lùi.  
D. Giữ thăng bằng cho cá khi bơi, đứng một chỗ. Bơi hướng lên trên hoặc hướng xuống dưới. Rẽ phải, rẽ trái, giảm vận tốc, dừng lại hoặc giật lùi.

**Câu 9:** Hệ tuần hoàn cá chép gồm những bộ phận nào?

- A. Động mạch và tĩnh mạch  
B. Mao mạch  
C. Tim có hai ngăn  
D. Tất cả các ý đều đúng

**Câu 10:** Ở động vật có xương sống, một vòng tuần hoàn có ở

A. Lưỡng cư            B. Bò sát            C. Cá            D. Thú

Câu 11: Hệ thần kinh cá chép cấu tạo như thế nào?

- A. Hệ thần kinh hình ống nằm ở phía lưng trong cung đốt sống gồm bộ não và tuỷ sống
- B. Não trước chưa phát triển, tiểu não khá phát triển
- C. Hành khứu giác, thùy thị giác rất phát triển
- D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 12: Cắt bỏ não trước của cá chép thì:

- A. Cá bị mù và mọi cử động của cá bị rối loạn
- B. Cá chết ngay
- C. Tập tính cá vẫn không thay đổi. Vẫn bơi lội kiếm ăn, gặp nguy hiểm vẫn biết lẩn trốn

Câu 13: Khi phá huỷ hành tuỷ của cá chép thì:

- A. Cá chết ngay
- B. Tập tính cá vẫn không thay đổi
- C. Cá bị mù
- D. Mọi cử động của cá bị rối loạn

Câu 14: Hệ thống cơ quan nào liên quan đến sự tạo thành bóng hơi?

- A. Hệ tuần hoàn
- B. Hệ hô hấp
- C. Hệ tiêu hoá
- D. Hệ bài tiết